

# PHÂN TÍCH SẮC THÁI NGHĨA CÂU KHIẾN CỦA CÁC ĐỘNG TỪ: RA LỆNH, CẤM, CHO PHÉP, YÊU CẦU, ĐỀ NGHỊ, KHUYÊN, MỜI, CHÚC, XIN TRONG CÂU TIẾNG VIỆT

*Đào Thanh Lan*

**Khoa Ngôn ngữ**

**Trường ĐHKHXH & NV - ĐHQG Hà Nội**

Việc giải thích ý nghĩa từ vựng của từ điển chỉ cung cấp những nét nghĩa cơ bản nhất ở chức năng định danh (tên gọi) thực tại. Từ các nghĩa cơ bản này, mọi người sử dụng chúng vào mục đích giao tiếp trong xã hội đã tạo ra nhiều sắc thái nghĩa dụng học (pramatics) tinh tế. Do đó, đi sâu nghiên cứu hoạt động hành chức của ngôn từ để phân tích được sắc thái nghĩa dụng học của chúng chính là ứng dụng phương pháp nghiên cứu của ngữ học hiện đại vào phục vụ mục đích nói, viết đạt hiệu quả giao tiếp cao. Bài báo này trình bày một số kết quả phân tích bước đầu về sắc thái nghĩa của các động từ trên trong câu cầu khiến.

Câu khiến là một trong các mục đích giao tiếp của hoạt động nói năng. Người nói dùng lời để thực hiện hành vi ngôn ngữ cầu khiến: yêu cầu người nghe thực hiện một hành động nào đó theo ý muốn của mình. Đây chính là ý nghĩa cầu khiến, thuộc về nghĩa tình thái (nghĩa dụng học) của câu tồn tại song song với nghĩa miêu tả (nghĩa phản ánh thực tại khách quan) vốn có trong câu.

Nội hàm của khái niệm cầu khiến bao gồm hai nét nghĩa tình thái cơ bản là tình thái "câu" và tình thái "khiến". Trước đây, người ta hay dùng thuật ngữ "câu mệnh lệnh" để chỉ loại câu có tình thái "khiến" đối lập với câu trần thuật và câu hỏi. Như vậy là chưa bao quát hết các kiểu câu. Các câu có tình thái "câu" như yêu cầu, đề nghị, xin, mời, chúc, không thể thuộc loại câu "khiến" (ra lệnh, cấm, cho phép, khuyên) ở chỗ đều thể hiện:

a. Sự đánh giá của người nói đối với sự tình được truyền đạt trong câu là nên hay không nên xảy ra.

b. Người nói yêu cầu, ra lệnh người nghe thực hiện một hành động cụ thể mà người nói cho là cần thiết.

Việc biểu hiện các nội dung này trước hết là do bản thân các động từ có ý nghĩa từ vựng "yêu cầu, ra lệnh..." thực hiện. Đây là phương tiện từ vựng. (Ngoài ra, nó có thể do phương tiện ngữ pháp (hư từ, ngữ điệu) thực hiện). Đặc điểm chung của các động từ này là chúng có tính ngôn hành. "Động từ ngôn hành là động từ mà khi được dùng trong những điều kiện nhất định thì ngay việc sử dụng nó cũng chính là cái hành động mà nó biểu hiện" (Cao Xuân Hạo/1). Vì thế, trước khi đi vào phân tích nghĩa của từng động từ cụ thể, cần phải thực hiện thao tác nhận diện động từ ngôn hành biểu thị ý nghĩa cầu khiến.

Điều kiện để nhận diện các động từ có tính chất ngôn hành biểu thị ý nghĩa cầu khiến cũng chính là điều kiện để nhận diện câu cầu khiến chứa các động từ này:

a. Chủ ngữ của nó phải là ngôi thứ nhất (chủ ngữ có thể ẩn: vắng mặt) bởi vì chủ ngữ chính là người nói (chủ ngôn).

Ví dụ 1: Tao cấm mày nói bậy.

Ngôi 1

Nếu chủ ngữ ở ngôi thứ ba (người không tham gia hội thoại) thì câu nói chỉ có thể là câu trần thuật.

Ví dụ 2: Nó cấm mày không được đến nhà nó.

Ngôi 3

Chủ ngôn trong câu nói này không hề có hành động cấm mà anh ta chỉ miêu tả lại hành động cấm của người khác (nó). Động từ cấm 2 không có tính ngôn hành. Câu 2 không phải là câu cầu khiến trực tiếp.

b. Động từ ngôn hành bao giờ cũng được dùng trong mệnh đề chính của câu và phải được dùng ở thời hiện tại, không kèm theo các hư từ trở thời gian như đã, sẽ, đang, vừa, mới hoặc các từ phủ định: không, chưa, chẳng.

Ví dụ 3: Tôi yêu cầu anh ký ngay vào đây.

Nếu vi phạm điều kiện b thì động từ không có tính ngôn hành.

Ví dụ 4: Tôi đã yêu cầu anh làm việc ấy.

c. Ý nghĩa ngôn hành chỉ thật minh bạch khi động từ có bổ ngữ trở đối tượng tiếp nhận hành động (gọi là tiếp thể) ở ngôi thứ hai. Nếu tiếp thể ở ngôi thứ ba câu có tình thái trần thuật.

So sánh ví dụ 3 ở trên với ví dụ 5 sau:

Tôi yêu cầu nó ký ngay vào đây.

Do đó không có những động từ thường xuyên mang tính ngôn hành mà chỉ có những phát ngôn có được tính ngôn hành trong những điều kiện nhất định nhờ nó phát huy được ý nghĩa từ vựng đặc biệt vốn có ở một số động từ. Mô hình tồn tại của các động từ ngôn hành biểu thị ý nghĩa câu khiến là:

Mô hình từ ngoại: (D1) + Vnhck + D2 + V2 trong đó D1 có thể ẩn.

Mô hình chức năng: C - V +B (c1 + v1).

Sau đây là nghĩa của từng động từ cụ thể:

1. Ra lệnh (biến thể: lệnh, hạ lệnh):

Ra lệnh có nghĩa là "đưa ra mệnh lệnh" (từ điển tiếng Việt - 1997).

Động từ này biểu thị hình thái "khiến rất cao với hàm ý cưỡng ép, bắt buộc người nghe phải thực hiện mệnh lệnh bằng mọi giá. Sự cưỡng ép này được thiết lập trên cơ sở quyền lực. Chủ ngôn có quyền hành, thứ bậc cao hơn đối tượng: ở gia đình là quan hệ giữa cha mẹ và con cái, trong quân đội là quan hệ giữa sĩ quan và binh lính, ở cơ quan là quan hệ giữa lãnh đạo và nhân viên.

Ví dụ: Tôi hạ sĩ Nguyễn Thành Nguyên ra lệnh cho binh nhất Nguyễn Văn Trung phải chấp hành mệnh lệnh (Mặt trời bé con của tôi - Thủy Linh - 58).

2. Cấm:

Cấm có nghĩa là "không cho phép làm việc gì đó" (Từ điển).

Mức độ tình thái "khiến" của động từ cấm giống như động từ ra lệnh. Chủ ngôn của hành động cấm có quyền lực, ưu thế cao hơn đối tượng.

Ví dụ: Tôi cấm cô không được nói với ai cả (X30 phá lưới - Đặng Thanh - 31).

### 3. Cho phép (biến thể: cho)

Cho phép nghĩa là "làm cho người khác có điều kiện khách quan làm việc gì" (Từ điển).

Động từ cho phép không có tính "câu" chỉ biểu thị tính "khiến" như hai động từ trên song với mức thấp hơn thể hiện ở chỗ: hành động mà chủ ngôn cho phép đối tượng thực hiện không hề có tính chất bắt buộc mà đây là sự đồng ý tạo điều kiện cho đối tượng thực hiện cái hành động có lợi cho đối tượng.

Ví dụ: cho phép anh em tự do buổi sáng hôm nay (không phải trò đùa - Khuất Quang Thụy - 213).

### 4. Yêu cầu:

Yêu cầu có nghĩa là "nêu ra điều gì đó với người nào đó, tỏ ý muốn người ấy làm, biết rằng đó là việc thuộc nhiệm vụ, trách nhiệm hoặc quyền hạn, khả năng của người ấy" (Từ điển).

Nghĩa của động từ yêu cầu bao gồm cả tính "khiến" và tính "câu". Tuy nhiên tính "khiến" của nó có mức độ nhẹ hơn động từ ra lệnh và cấm. Hành động sai khiến ở đây bớt tính cưỡng bức, tăng tính lịch sự, tôn trọng đối tượng do có tính thái "câu" xuất hiện. Sự chênh lệch về vị thế giữa chủ ngôn và đối tượng thấp hơn mức của động từ ra lệnh và cấm. Động từ yêu cầu thường được sử dụng trong bối cảnh có tính chất chính thức và trang trọng. Nó ít được sử dụng trong bối cảnh thân mật mang tính gia đình.

Ví dụ: Yêu cầu mọi người giữ trật tự (xin đừng lỗi hẹn - Triệu Huấn - 57).

### 5. Đề nghị:

Đề nghị nghĩa là "đưa ra ý kiến về một việc nên làm nào đó để thảo luận, để xét" (Từ điển).

Nghĩa của đề nghị gần giống nghĩa của yêu cầu, song tính "khiến" có mức độ thấp hơn yêu cầu, tính "câu" lại cao hơn, vì vậy tính lịch sự, tôn trọng đối tượng cũng cao hơn yêu cầu. Mối quan hệ giữa chủ ngôn và đối tượng là bình đẳng hoặc chủ ngôn ở vị thế thấp hơn đối tượng.

Ví dụ: - Tôi đề nghị cô để cho tôi nghỉ trưa một lúc (X30 phá lưới- Đặng Thanh - 312).

- Tôi đề nghị chuẩn tường xem xét cho (Xin đừng lỗi hẹn - Triệu Huấn - 227).

Trong đơn từ của cấp dưới gửi lên cấp trên thường dùng "đề nghị".

### 6. Khuyên:

Khuyên nghĩa là "nói với thái độ ân cần cho người khác biết cái điều mà người đó nên làm" (Từ điển).

Động từ này mang sắc thái "khiến" nhẹ nhàng. Chủ ngôn hàm ý mong muốn đối tượng thực hiện hành động mà mình đưa ra nhưng không hề có tính ép buộc mà chỉ là sự gợi ý, khuyên bảo của chủ ngôn tới đối tượng dựa trên cơ sở tự hiểu biết và kinh nghiệm nhiều hơn đối tượng. Ngoài ra, khuyên còn thể hiện sự quan tâm của chủ ngôn đối với tượng.

Ví dụ: Ta khuyên thầy Quản nên thay chốn ở đi (Chữ người tử tù - Nguyễn Tuân - 168).

### 7. Mời:

Mời nghĩa là "tỏ ý mong muốn yêu cầu người khác làm việc gì đó một cách lịch sự, trân trọng" (Từ điển).

Động từ này vừa mang tính "câu" vừa mang tính "khiến". Nhưng tính "câu" mạnh hơn

tính "khiến". Khi sử dụng động từ mời, chủ ngôn tỏ ý mong muốn yêu cầu đối tượng làm việc gì đó có lợi cho đối tượng với một thái độ lịch sự, trân trọng.

Ví dụ: Tiện bữa mời tiên sinh ngồi vào uống với cha con tôi chén rượu lạt (Búp sen xanh - Sơn Tùng - 137).

#### 8. Chúc (biến thể: cầu chúc)

Chúc nghĩa là "tỏ lời mong ước điều may mắn, tốt đẹp cho người khác" (Từ điển).

Động từ chúc không có tính "khiến" chỉ có tính "cầu" lịch sự. Khi dùng động từ này chủ ngôn mong muốn đối tượng sẽ có được điều may mắn, tốt đẹp. Nhưng hành động mà chủ ngôn mong muốn đối tượng thực hiện được chỉ là mong ước, là một giả định, trong tương lai đối tượng có thể thực hiện được mà cũng có thể không thực hiện được.

Ví dụ: Chúc đại tá và thiếu tá ngủ trưa ngon giấc (Miền đất lạ - Nguyễn Sơn Tùng - 76).

#### 9. Xin (biến thể: xin phép)

Xin nghĩa là "ngỏ ý với người nào đó, mong muốn người ấy cho mình cái gì hoặc đồng ý cho mình làm điều gì. Xin dùng ở đầu lời yêu cầu biểu thị thái độ khiêm tốn, lịch sự. Xin dùng trong lời chào mời, cảm ơn biểu thị thái độ khiêm tốn, lễ phép" (Từ điển).

Trái ngược với tính "khiến" của các động từ ra lệnh, cấm, nghĩa của động từ xin chỉ bao gồm tính "cầu" thuần túy chứ không hề có tính "khiến". Tính "cầu" của động từ xin rất mạnh. Nó gần như là một sự quy lụy, nhún nhường hết sức khiêm tốn của chủ ngôn đối với đối tượng. Chủ ngôn mong muốn đối tượng làm việc gì đó cho mình dựa trên phương diện tình cảm, sự hảo tâm của đối tượng đối với chủ ngôn. Ở một khía cạnh nào đó thì khi dùng động từ xin chủ ngôn vừa thể hiện được sự lịch sự trong khi nói lại vừa thể hiện được thái độ tôn trọng, kính nể của mình tới đối tượng. Mối quan hệ giữa chủ ngôn và đối tượng là mối quan hệ giữa người có vị thế thấp và người có vị thế cao.

Ví dụ: Tôi xin đồng chí chú thích thêm cho cái bản thiết kế này, tôi không hiểu (Mua tím - Trần Văn Tuấn - 57).

Qua sự phân tích ở trên, ta thấy cả chín động từ trên đều có nghĩa cầu khiến. Tuy nhiên, mỗi động từ có sắc thái cầu khiến ở mức độ mạnh yếu khác nhau. Do đó, hoàn cảnh sử dụng các động từ này cũng khác nhau.

Nếu xét mức độ biểu thị nghĩa đi từ tính "khiến" đến tính "cầu" có thể chia thành 6 mức sau:

Mức 1: chỉ có tính "khiến" mạnh, không có tính "cầu". Thuộc về mức này là các động từ nhóm 1 có: ra lệnh, cấm ở mức 1a, cho phép ở mức 1b.

Mức 2: có cả tính "khiến" và tính "cầu". Tính "khiến" thấp hơn mức 1, cao hơn mức 3. Còn tính "cầu" ở mức thấp nhất dùng để biểu thị tính lịch sự. Thuộc về mức này là các động từ nhóm 2 như: yêu cầu ở mức 2a, đề nghị ở mức 2b.

Mức 3: chỉ có tính "khiến" ở mức nhẹ nhàng, thấp hơn mức 2. Thuộc về mức này có động từ nhóm 3: khuyên.

Mức 4: có cả tính "khiến" và tính "cầu". Tính "khiến" ở mức thấp nhất. Tính "cầu" cao hơn mức 2. Thuộc về mức này là động từ nhóm 4: mời.

Mức 5: chỉ có tính "cầu", không có tính "khiến". Tính "cầu" cao hơn mức 4. Thuộc về mức này là động từ nhóm 5: chúc.

Mức 6: chỉ có tính "câu" rất cao. Thuộc về mức này là động từ nhóm 6: xin.

Có thể biểu diễn sắc thái nghĩa của chín động từ trên thành sơ đồ sau:

Khiến (giảm dần)	1a: ra lệnh, cấm
	1b: cho phép
	2a: yêu cầu
	2b: đề nghị
	3: khuyên
	4: mời
	5: chúc
	6: xin



câu (tăng dần)

Chú thích:

(1): Cao Xuân Hạo - Tiếng Việt. Sơ thảo ngữ pháp chức năng. NXB KHXH, 1991.

Ký hiệu viết tắt ở mô hình từ loại: D1, D2 = Danh từ

V1, V2 = Vị từ (động từ / tính từ)

Vnhck = Vị từ ngôn hành câu khiến (= động từ)

Ký hiệu viết tắt ở mô hình chức năng:

C = chủ ngữ

V = vị ngữ

B = bổ ngữ